

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HS-PT
Ngày 22 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Nguyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân
Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Hồ Kim Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 191/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2022/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/4/1973 tại thị xã H, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1940 và bà Huỳnh Thị T (chết); chồng: Trần Nhị, sinh năm 1969; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Dương Thị T1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị C không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/01/2021, vợ chồng anh Nguyễn Mai H1 và chị Nguyễn Thị H2 đến nhà Dương Thị T1 vay 40.000.000 đồng và thế chấp các giấy tờ, gồm: 01 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS058xx mang tên ông Nguyễn Văn Thanh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 10/12/2019, ngày 07/12/2020, thay đổi tặng cho anh Nguyễn Mai H1 và chị Nguyễn Thị H2 (viết tắt là GCN số CS058xx); 01 Giấy chứng minh nhân dân (viết tắt là CMND) số 2150793xx mang tên Nguyễn Mai H1; 01 CMND số 2118553xx mang tên Nguyễn Thị H2; 01 Sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Mai H1; 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Mai H1 và chị Nguyễn Thị H2. Vài ngày sau, anh H1 tiếp tục vay của T1 10.000.000 đồng. Tổng số tiền T1 cho vợ chồng anh H1 vay là 50.000.000 đồng, việc mượn tiền thông qua giấy viết tay.

Do thiếu tiền nên khoảng 10 ngày sau, T1 mang các giấy tờ trên thế chấp cho Nguyễn Thị H để vay 50.000.000 đồng. H chỉ giữ GCN số CS058xx và trả lại các giấy tờ khác cho T1.

Khoảng cuối tháng 01/2021, do có nhu cầu tiêu xài cá nhân và trả nợ nên H điện thoại cho T1 đòi 50.000.000 đồng nhưng T1 không có tiền trả. Sau đó, H đề nghị H và T1 thế chấp GCN số CS058xx cho ông Nguyễn Thành T3 để vay 100.000.000 đồng, T1 có trách nhiệm trả lãi và gốc trên số tiền 50.000.000 đồng mà H vay của ông T3 và T1 đồng ý. Sau đó ít ngày, H, T1 và ông T3 hẹn gặp để nói chuyện. Ông T3 yêu cầu phải ra Văn phòng Công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau 04 tháng nếu H không trả tiền, ông T3 sẽ làm thủ tục sang tên theo quy định.

Sau đó, H có gặp chị Võ Thị Ngọc O và nói chung chung với chị O về việc nhờ người ký hợp đồng, chị O nói nếu thay đổi hình trên CMND của chủ sở hữu và nhờ người khác ký tên thì có thể làm được, chị O cũng nói với H đó là hành vi vi phạm pháp luật. Từ đó, H nảy sinh ý định nhờ Nguyễn Thị C (em ruột của H) và Nguyễn Văn T2 (em cùng cha khác mẹ của H) đóng giả làm vợ chồng anh Nguyễn Mai H1 và chị Nguyễn Thị H2 để đi đến văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày hôm sau, H gọi điện thoại cho T1 mượn các giấy tờ của vợ chồng anh H1. T1 hỏi để làm gì thì H trả lời để nhờ người khác ký thay trên hợp đồng công chứng, T1 hiểu H sẽ nhờ người đóng giả vợ chồng anh H1 để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T3 nhưng vẫn đồng ý và cung cấp các giấy tờ gồm: 02 CMND, 01 sổ hộ khẩu và 01 Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng anh H1 cho H.

Ngày 02/02/2021, H gặp riêng T2 và C để nhờ đóng giả vợ chồng anh H1 và chị H2, T2 và C đồng ý. Sau đó, H yêu cầu T2 và C cung cấp CMND của T2 và C cho H nhưng không nói để làm gì. T2 cung cấp 01 CMND số 2153171xx mang tên Nguyễn Văn T2 và C cung cấp 01 CMND số 2116198xx mang tên Nguyễn Thị C cho H. Sau đó, H dùng thủ đoạn gỡ ảnh thẻ trên CMND của T2 dán qua khung ảnh trên CMND của anh H1 và gỡ ảnh thẻ trên CMND của C dán qua khung ảnh trên CMND của chị H2, rồi mang đến tiệm photocopy Hồng Phong ở khu phố 5, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định để ép nhựa.

Chiều ngày 03/02/2021, H, C và T2 cùng đến Văn phòng Công chứng H ở khu phố 5, phường T, thị xã H. Trước khi vào văn phòng, H đưa T2 và C 02

CMND của vợ chồng anh H1, chị H2 đã thay đổi ảnh. Sau đó, T2 tự nhận là anh H1, C tự nhận là chị H2 và thực hiện việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T3. Sau khi công chứng xong, ông T3 đưa cho H 100.000.000 đồng. H trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến hẹn, khoảng tháng 4 và tháng 5/2021 (âm lịch), ông T3 nhiều lần liên lạc đòi tiền nhưng H không trả. Ngày 04/01/2022, ông T3 đem hợp đồng chuyển nhượng nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định - Chi nhánh thị xã H để thực hiện sang tên theo quy định thì được thông báo hồ sơ có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Căn cứ Kết luận giám định số 114/KL-KTHS ngày 18/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận: 01 CMND số 2150793XX, ghi họ tên Nguyễn Mai H1, sinh ngày 27/6/1982, nơi ĐKKH thường trú: KV3, P. T, TP. Q, Bình Định và 01 CMND số 2118553XX, ghi họ tên Nguyễn Thị H2, sinh ngày 02/9/1985, nơi ĐKKH thường trú: KV3, P. T, TP. Q, Bình Định là Giấy chứng minh nhân dân thật và bị bóc tách tại vị trí ảnh.

Căn cứ Kết luận giám định số 115/KL-KTHS ngày 18/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận:

- Dòng chữ viết có nội dung “Nguyễn Mai H1” dưới mục “Bên A” trên 04 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A4 so với chữ viết của Nguyễn Văn T2 trên 02 bản tự khai ngày 20/01/2022 trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

- Dòng chữ viết có nội dung “Nguyễn Thị H2” dưới mục “Bên A” trên 04 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A4 so với chữ viết của Nguyễn Thị C trên bản tự khai ngày 07/02/2022 trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

Căn cứ Kết luận giám định số 173/KL-KTHS ngày 24/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận: 01 CMND số 2153171XX, ghi họ tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 16/8/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H, H, Bình Định và 01 CMND số 2116198XX, ghi họ tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/12/1978, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H, H, Bình Định là CMND thật và bị bóc tách tại vị trí ảnh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2022/HS-ST ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân thị xã H đã căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, khoản 1 Điều 340, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 24 tháng tù. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương Thị T1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị C; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo H kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên khoảng cuối tháng 01/2021, Dương Thị Thu và Nguyễn Thị H thống nhất thế chấp GCN số CS058XX cho ông Nguyễn Thành T3 để vay 100.000.000 đồng. Theo GCN số CS058XX thì anh Nguyễn Mai H1 và chị Nguyễn Thị H2 là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và trước đó, vợ chồng anh H1, chị H2 đã thế chấp GCN số CS058XX, CMND và Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho Thu để vay 50.000.000 đồng. Ông T3 yêu cầu phải ra Văn phòng Công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau 04 tháng nếu H không trả tiền, ông T3 sẽ làm thủ tục sang tên theo quy định.

Sau đó, H nảy sinh ý định nhờ Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn T2 đóng giả làm vợ chồng anh H1 và chị H2 để đi đến văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. H đã có hành vi gỡ ảnh thẻ trên CMND của T2 dán qua khung ảnh trên CMND của anh H1 và gỡ ảnh thẻ trên CMND của C dán qua khung ảnh trên CMND của chị H2, rồi mang đi ép nhạ.

Chiều ngày 03/02/2021, H, C và T2 cùng đến Văn phòng Công chứng H. Sau khi C và T2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T3 thì ông T3 đưa cho H 100.000.000 đồng. H trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng tháng 4,5/2021 (âm lịch), ông T3 nhiều lần liên lạc đòi tiền nhưng H không trả. Ngày 04/01/2022, ông T3 đem Hợp đồng chuyển nhượng nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định - Chi nhánh thị xã H để thực hiện sang tên theo quy định thì được thông báo hồ sơ có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 340 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[2] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ,

hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và 06 tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”, mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, có tác dụng răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị H, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 340; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an thị xã H;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo.
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Bá Nguyên